

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Mua sắm tài, thiết bị
- Địa điểm thực hiện: Cửa khẩu Lý Vạn, xã Lý Quốc, tỉnh Cao Bằng
- Chủ đầu tư: Văn phòng quản lý cửa khẩu Lý Vạn
- Nguồn vốn: Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ, ngân sách nhà nước cấp theo Quyết định số 279/QĐ-BQLKKT, ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Cao Bằng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025
- Thời gian thực hiện: 05 ngày
- Hình thức lựa chọn nhà thầu, phương thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi; 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ
- Thời gian lựa chọn nhà thầu: Quý III năm 2025
- Loại hợp đồng: Trọn gói

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a. Yêu cầu chung

- Hàng hóa thuộc gói thầu phải mới 100%, được sản xuất hoặc nhập khẩu từ năm 2025 trở về sau, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, với đầy đủ các thông số kỹ thuật kèm theo. Đã bao gồm đầy đủ các vật tư, phụ kiện, dịch vụ kỹ thuật kèm theo để lắp đặt hoàn chỉnh, bàn giao theo yêu cầu của chủ đầu tư.

b. Yêu cầu kỹ thuật cụ thể:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Máy vi tính	Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 (4 lõi, 8 luồng, 3.3Ghz) -Bộ nhớ RAM: 16GB(2x8GB) DDR4 2666Mhz -Ổ cứng: SSD dung lượng 512Gb -Bảng mạch chủ: Sử dụng chipset Intel. 'Hỗ trợ LGA1700 S/p Intel thế hệ 12 Core/Pentium/Celeron. -Cổng giao tiếp: 1 x D-Sub Port, 1 x DVI-D port, 1 xHDMI port, 1 x Display port, 1 x COM, 4x USB 3.1 port(s), 2x USB 2.0. Khe cắm mở rộng: 3 x PCIe 4.0/3.0 x16 slot (hỗ trợ PCIe x1), 1 x PCI slot, 6x DIMM RAM, 3 x M.2; 4 x SATA 6.0

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<p>Gb/s Ports</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đồ họa: Bộ vi xử lý Đồ họa Tích hợp - Hỗ trợ Intel® HD Graphics -Màn hình: 21.5" (Kích thước: 21.5", Độ phân giải: 1920 x 1080). Cổng giao tiếp: DSub (VGA), HDMI -Màn hình vi tính đồng bộ cùng thương hiệu với hãng sản xuất máy vi tính -Giao tiếp mạng: Integrated Gigabit LAN (10/100/1000Mb/s) -Cạc âm thanh: Tích hợp -Vỏ máy: Slim Tower case With PSU 550W -Bàn phím: chuẩn giao tiếp USB. -Chuột: Chuột vi tính chuẩn kết nối USB. -Hệ điều hành Microsoft Windows 11 Home bản quyền. Có tài liệu chứng minh tính chất bản quyền của phần mềm Microsoft Windows -Tiêu chuẩn chất lượng: Máy tính được sản xuất trên dây chuyền công nghiệp của tổ chức đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, tiêu chuẩn phòng LAB ISO 17025:201
2	Máy phô tô in đa chức năng	<p>1.Thông số kỹ thuật chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Bộ nhớ tiêu chuẩn:6GB Tốc độ bộ vi xử lý: Quad Core (1.6GHz), Dual Core (1.4GHz) Màn hình điều khiển cảm ứng màu 10.1 inch, Hỗ trợ đa ngôn ngữ (Có tiếng Việt) Dung lượng ổ cứng: 500 GB Bộ nạp và đảo bản gốc (ADF): 200 tờ Khổ giấy: Tối thiểu: A6; Tối đa: A3 Trữ lượng khay giấy vào (với định lượng giấy 80gsm): 520 tờ x 2 khay, khay tay: 100 tờ Khay giấy ra: 500 tờ Nguồn cung cấp:AC220-240V Công suất tiêu thụ: 560W <p>2.Chức năng copy</p> <ul style="list-style-type: none"> Tốc độ copy liên tục (A4): 30 bản/phút Thời gian cho ra bản copy đầu tiên (A4): 5 giây Dải thu phóng: 25% - 400% Độ phân giải copy: 600 x 600 dpi Số bản sao chụp tối đa: 9999 bản

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<p>3.Chức năng in Tốc độ in liên tục (A4): 30 bản/phút Thời gian cho ra bản in đầu tiên (A4): 8.9 giây Độ phân giải in: 1200 x 1200 dpi Ngôn ngữ in chuẩn: HP PCL 5e, HP PCL 6, HP Postscript level 3 emulation, PDF (v 1.7), AirPrint™ compatible Giao diện kết nối: 1 Gigabit Ethernet 10/100/1000T network; 1 Hardware Integration Pocket 2nd generation (HIP2); 1 Hi-Speed USB 2.0 (host); 1 SuperSpeed USB 3.0 (device); 1 SuperSpeed USB 3.0 (host)</p> <p>4.Chức năng Scan Kiểu quét: Quét đen trắng, quét màu Độ phân giải quét tối đa: 600 x 600 dpi Tốc độ quét (A4, Trắng đen/màu): 1 mặt 90 trang/phút; 2 mặt 180 trang/phút. Tính năng quét: Quét vào E-mail, Thư mục, USB, tự động loại bỏ trang trắng Hộp mực: 48.000 bản; mã hộp mực W9065MC công suất 48.000 trang độ phủ 5% Loại mực: Laser trắng đen.</p>
3	Ghế phòng chờ 3 chân	Thiết kế ghế phòng chờ có 5 chỗ ngồi, đệm tựa có đột lỗ giúp tăng độ thoáng khí và tính thẩm mỹ. Kích thước: Rộng 2870 x Sâu 690 x Cao 860 (mm) Chất liệu: Khung thép sơn; Đệm tựa bọc PVC
4	Bàn ghế phòng Vip: Ghế Tần	Chất liệu: gỗ Xà Cừ Ghế dài 260cm cao 140cm sâu 62cm Bàn dài 140cm rộng 65cm cao 50cm Đôn 45 x 45cm
5	Bàn làm việc	Chất liệu gỗ công nghiệp sơn phủ PU cao cấp. Mặt bàn lượn cong bên trên có tấm PVC trang trí Kích thước: Rộng 1800 x Sâu 900 x cao 760 mm.
6	Ghế làm việc	Khung tựa ghế bằng nhựa bọc vải lưới đàn hồi chịu lực, tạo cảm giác thông thoáng cho người dùng. Đệm ghế mút bọc PVC êm ái. Tay ghế bằng nhựa ốp PU mềm, được thiết kế chữ

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<p>T cách điệu.</p> <p>Ghế lưới sử dụng chân xoay bằng thép mạ, có bánh xe di chuyển tiện lợi.</p> <p>Cụm chân ghế được thiết kế sử dụng bộ piston khí nén có thể điều chỉnh được độ cao linh hoạt.</p> <p>Ghế có khả năng ngả ở nhiều góc độ khác nhau.</p> <p>Kích thước: Rộng 620 x Sâu 520-1280 x Cao (1215-1295) mm</p> <p>Chất liệu: Chân thép mạ, tay nhựa ốp PU</p>
7	Máy in 2 mặt	<p>Tốc độ in 29 trang/phút, in khổ A4, in 2 mặt tự động</p> <p>Đào mặt 18.5 trang/phút</p> <p>Độ phân giải 600 dpi x 2400 dpi</p> <p>Bộ nhớ 256 MB</p> <p>Màn hình Màn hình LCD 5 dòng</p> <p>Thời gian bản in đầu tiên 5.4 giây</p> <p>Giấy vào Khay giấy vào 150 tờ, khay ra : 100 tờ</p> <p>Kết nối USB 2.0 tốc độ cao, Wifi, mạng LAN</p> <p>Canon Mobile Printing (in qua thiết bị di động)</p> <p>Hệ điều hành Windows, Mac OS 10.6.x – 10.9(*3), Linux(*3), Citrix (phiên bản FR2 về sau)</p> <p>Sử dụng mực: Mực in Canon 071</p>
8	Máy in màu đa năng	<p>Loại máy: In laser màu đơn năng</p> <p>Chức năng: Print, Network, Wifi, Duplex</p> <p>Khổ giấy in: Tối đa khổ giấy A4</p> <p>Tốc độ in: Lên tới 21ppm (Đen trắng/Màu)</p> <p>Bộ nhớ ram: Bộ nhớ trong 1 GB</p> <p>Độ phân giải: Lên tới 1.200 (tương đương) x 1.200dpi (tương đương)</p> <p>Chuẩn kết nối: USB 2.0 tốc độ cao, Network, Wifi</p> <p>Chức năng đặc biệt: In qua mạng có dây Lan và không dây, in 2 mặt tự động</p> <p>Hiệu suất làm việc: 30.000 trang / tháng</p>
9	Máy in	<ul style="list-style-type: none"> - Khổ giấy in: Khổ A4. - Tốc độ in (letter): 40 trang/phút. - Hỗ trợ in hai mặt. - Thời gian in trang đầu tiên (trạng thái sẵn sàng): Chỉ 6.3 giây (đen). - Chất lượng in tốt nhất 1200 x 1200 dpi.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> - Bộ vi xử lí: 1200Mhz. - Bộ nhớ: 256MB. - Khả năng in trên thiết bị di động: Apple AirPrint™; Google Cloud Print™; HP ePrint; HP Smart App; Mobile Apps; Mopria™ Certified; ROAM capable for easy printing. - Ngôn ngữ in: HP PCL 6, HP PCL 5c, HP postscript level 3 emulation, PDF, URF, PWG Raster. - Khay giấy vào: <ul style="list-style-type: none"> + Khay ưu tiên: 100 trang (khay 1), khay 250 trang (khay 2); + Khay giấy ra 150 trang. - Màn hình điều khiển: LED 2 dòng. - Công suất in tối đa/tháng: 80.000 trang. - Công suất khuyến nghị in trong tháng: 750 đến 4000 trang. - Kết nối: 1 Hi-Speed USB 2.0; 1 host USB at rear side; Gigabit Ethernet 10/100/1000BASE-T network.
10	Tủ tài liệu	<p>Thiết kế tủ gồm có 3 khoang. Kích thước: Rộng 1000 x Sâu 450 x Cao 1830 mm Kích thước kính: 842 x 363 x 3 mm Chất liệu: Sắt sơn tĩnh điện</p>
11	Điều hoà treo tường 2 chiều 24.000 BTU inverter IDH24M1	<p>Công suất làm lạnh 7.034 Kw (24.000 Btu/h); Công suất sưởi ấm: 7.181kW (24.500 Btu/h) Công suất tiêu thụ: Làm lạnh/Sưởi ấm: 2,329/2,240 W; Làm lạnh/Sưởi ấm (Tối đa): 2,960/2,960 W Cường độ dòng điện: Làm lạnh/Sưởi ấm: 10.4/10 A; Làm lạnh/Sưởi ấm (Tối đa): 13/13 A EER: 3.02 W/W; 10.3(Btu/h)/W; COP: 3.21 W/W; 10.94 Btu/h.W Tem năng lượng: Cấp năng lượng: 5 sao CSPF: 5.10CSPF Điện nguồn 1/220-240V/50Hz Ø/V/Hz Lưu lượng gió: Dàn lạnh,Tối đa 19.5 m³/min; Dàn nóng, Tối đa: 49 m³/min Khử ẩm: 2.5 l/h Độ ồn: Dàn lạnh: 44/41/37/28 dB(A)+3; Dàn nóng: 55dB(A)+3</p>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<p>Độ dài đường ống tiêu chuẩn/tối đa: 7.5/30 m Chênh lệch độ cao tối đa: 25m Môi chất lạnh: loại R410A Khối lượng nạp: 1.40kg Kết nối ống: Ống lỏng 6.35mm Ống gas: 15.88mm Kích thước: Dàn lạnh(Rộng*Cao*Sâu): 998*345*210 mm; Dàn nóng(Rộng*Cao*Sâu): 870*650*330 mm Khối lượng: Dàn lạnh: 12.3kg; Dàn nóng: 45kg Loại inverter: Dual Inverter Dàn lạnh: Màn hình hiển thị Dàn nóng: Dàn tản nhiệt Đồng(Phủ Gold Fin) Tạo ion Tấm lọc trước: Kháng khuẩn Tấm lọc 3M: Tấm vi lọc Tính năng: Dãy nhiệt độ cài đặt Làm lạnh(°C) 18-30 Sưởi ấm(°C) 16-30 Cấp độ quạt: 5; Làm lạnh nhanh; Vận hành khi ngủ; Gió tự nhiên; Hẹn giờ: 24hr On/Off; Đảo gió lên xuống tự động; Đảo gió trái phải tự động; Tự động làm sạch; Khử ẩm; Tự động vận hành(Model 1 chiều); Tự động chuyên đôi (Model 2 chiều); Tự khởi động lại(phút): 3; Bật tắt đèn hiển thị; Khởi động nóng; Tính năng đặc biệt; Chuẩn đoán thông minh; Xua muỗi; Tạo ion (chăm sóc da); Hướng gió dễ chịu; Kiểm soát năng lượng chủ động Xuất xứ: Thái Lan Phụ kiện cho 1 máy gồm: Ống đồng fi6+16: 05m; Dây điện 2 x 2.5 = 20m; Băng cuốn, bảo ôn: 05m; giá treo cục nóng: 01 bộ; Át 30A: 01 chiếc; ống nước fi 21: 05m; bộ ốc vít: 01 bộ.</p>
12	Tủ lạnh Inverter 711 lít Side By Side	<p>Kiểu tủ: Tủ lớn - Side by Side - 2 cánh Dung tích sử dụng: 711 lít Dung tích tổng: 768 lít Dung tích ngăn đá: 273 lít Dung tích ngăn lạnh: 438 lít</p>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		Chất liệu cửa tủ: Mặt kính Chất liệu khay ngăn lạnh: Kính chịu lực Chất liệu ống dẫn gas, dàn lạnh: Ống dẫn gas bằng Sắt và Đồng - Lá tản nhiệt bằng Nhôm Công suất tiêu thụ: 660 kWh/năm Công nghệ tiết kiệm điện: Origin Inverter Công nghệ làm lạnh: Luồng khí lạnh đa chiều Multi Air Flow, Surrounding Cooling Công nghệ bảo quản thực phẩm: Giữ nguyên hương vị với Flexible Zone Công nghệ kháng khuẩn, khử mùi: Bộ lọc khử mùi PureAir Turbo™ Tiện ích: Điều khiển từ xa qua TSmar tLife, Super Freeze, Chuông báo quên đóng cửa, Chế độ kỳ nghỉ, Super Cool, Làm đá tự động Kích thước: Cao 177.5 cm - Ngang 90.8 cm - Sâu 73.6 cm Khối lượng: 110 kg Năm ra mắt: 2025
13	Cột chắn Inox trắng dây xanh 5m	Kích thước cột: đế Ø35 x cột Ø7 x 90 cm Kích thước dây: 5 x 500 cm Chất liệu: Inox - dây polyester Màu sắc: Thân inox trắng - dây màu xanh dương và màu đỏ Quy cách: Cột chắn lắp sẵn dây kéo Lưu ý: Các thông số kỹ thuật trên có dung sai ±5%

Nhà thầu có thể chào thầu hàng hoá, thiết bị có thông số tương đương hoặc công nghệ mới hơn yêu cầu (tương đương được hiểu là đáp ứng toàn bộ các thông số được nêu ra trong một thiết bị của E-HSMT, công nghệ mới hơn được hiểu là công nghệ ra sau và có những thông số cao hơn so với các thông số được yêu cầu của một hạng mục thiết bị trong HSMT).

- Tên hãng sản xuất, model, ký mã hiệu của hàng hóa (nếu có) nêu trong E-HSMT chỉ mang tính chất tham khảo.

1.3. Yêu cầu khác

Giá dự thầu của hàng hoá cung cấp cho gói thầu đã bao gồm toàn bộ các dịch vụ đi kèm như: Triển khai, cài đặt, đào tạo, chuyên giao công nghệ... và các dịch vụ, công việc khác phục vụ cho việc triển khai gói thầu. Nhà thầu phải thực hiện đầy đủ các dịch vụ, công việc nêu trên trước khi 2 bên tiến hành nghiệm thu hợp đồng.

Mục 2. Bản vẽ: Không có

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

1. Chủ đầu tư hoặc đại diện của chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng.

2. Bất kỳ hàng hoá nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hoá khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hoá không phù hợp, chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu, đồng thời đánh giá uy tín của nhà thầu.

3. Khi thực hiện các nội dung nêu tại khoản 1 và khoản 2 Mục này, Nhà thầu không được miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.